

THÔNG BÁO

Kết quả phúc khảo bài thi kết thúc học phần Học kỳ Xuân năm học 2025 - 2026

Thực hiện Kế hoạch số 171/KH-ĐHSP ngày 02/02/2026 về việc tổ chức thi, Thông báo số 788/TB-ĐHSP ngày 18/5/2026 về việc phúc khảo bài thi kết thúc học phần Học kỳ Xuân năm học 2025 - 2026 đối với các lớp trình độ đại học hình thức đào tạo chính quy của Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng, Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng đã tiến hành tiếp nhận đơn và xử lý các yêu cầu phúc khảo về bài thi kết thúc học phần Học kỳ Xuân năm học 2025 - 2026 của sinh viên. Kết quả phúc khảo được công bố tại website Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng (có danh sách đính kèm).

Sinh viên có kiến nghị về kết quả phúc khảo vui lòng liên hệ Phòng Khảo thí - Bảo đảm chất lượng trước ngày 11/6/2026.

Đề nghị các khoa, giảng viên đồng hành của các lớp thông báo cho sinh viên biết và thực hiện (nếu có kiến nghị).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Phó Hiệu trưởng Phan Đức Tuấn (để b/c);
- Các khoa (để thực hiện);
- Lưu: VT, KT-BĐCL.

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ-BĐCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TS. Phan Thị Hoa

KẾT QUẢ PHÚC KHẢO BÀI THI KẾT THÚC HỌC PHẦN

Học kỳ Xuân, Năm học 2025 - 2026

(Kèm Thông báo số: /TB-ĐHSP ngày tháng 6 năm 2026 của Trường Đại học Sư phạm-ĐHĐN)

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
1	3110124036	Nguyễn Tấn Lộc	9/6/2006	24ST2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	7.0	7.0	0.0
2	3110124046	Nguyễn Thị Thanh Ngân	10/10/2006	24ST2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	7.0	7.0	0.0
3	3110124007	Nguyễn Thị Thanh Châu	1/12/2006	24ST1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	6.5	6.5	0.0
4	3110124015	Phạm Thị Mỹ Duyên	2/3/2006	24ST1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	8.0	8.0	0.0
5	3110124021	Hồ Duy Hoàng	19/12/2006	24ST1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	4.5	4.5	0.0
6	3110124035	Hà Trương Khánh Linh	1/1/2006	24ST1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	7.0	7.0	0.0
7	3110124016	Trương Mỹ Gái	28/2/2006	24ST2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	1	6.5	6.5	0.0
8	3110124050	Nguyễn Ngô Yến Nhi	13/8/2006	24ST2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	7.0	7.0	0.0
9	140124002	Nguyễn Văn Đạt	12/6/2006	24SHH	Chủ nghĩa xã hội khoa học	8	7.0	7.0	0.0
10	3140724004	Phan Huỳnh Ngọc Anh	23/1/2006	24SKT2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	9	6.5	6.5	0.0
11	3140724049	Trần Thị Thùy Linh	17/12/2006	24SKT1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	10	6.5	6.5	0.0
12	3140724106	Nguyễn Hoàng Uyên	10/3/2006	24SKT2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	11	5.5	5.5	0.0
13	3140724093	Trần Thị Huyền Trâm	30/1/2006	24SKT1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	11	5.5	5.5	0.0
14	3140724058	Đặng Bảo Ngọc	8/3/2006	24SKT2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	11	7.0	7.0	0.0
15	3140724066	Võ Tăng Bích Nho	12/4/2006	24SKT2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	11	6.5	6.5	0.0
16	3170124046	Nguyễn Thị Minh Nguyệt	19/11/2006	24SNV	Chủ nghĩa xã hội khoa học	17	6.5	6.5	0.0
17	3170124044	Trần Thị Trà My	18/9/2005	24SNV1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	17	5.0	5.0	0.0
18	3170124086	Nguyễn Hà Vi	28/5/2006	24SNV1	Chủ nghĩa xã hội khoa học	18	8.0	8.0	0.0
19	3170224011	Nguyễn Huỳnh Tinh Đoan	28/8/2006	24CVH	Chủ nghĩa xã hội khoa học	18	6.5	6.5	0.0
20	3170224084	Nguyễn Thị Hoàng Vy	4/4/2006	24CVH	Chủ nghĩa xã hội khoa học	20	6.5	6.5	0.0
21	3170724030	Trần Thị Thanh Mai	4/9/2006	24CQCC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	23	4.0	4.0	0.0
22	3170724013	Nguyễn Thị Kim Duyên	1/6/2006	24CQCC	Chủ nghĩa xã hội khoa học	23	6.0	6.0	0.0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
23	3220124233	Nguyễn Lê Văn Sa	1/3/2006	24STH6	Chủ nghĩa xã hội khoa học	39	7.0	7.0	0.0
24	3230124062	Trần Thị Hương	10/1/2006	24SMN2	Chủ nghĩa xã hội khoa học	44	3.0	3.0	0.0
25	3110125021	Nguyễn Việt Dương	16/5/2006	25ST2	Triết học Mác - Lênin	1	3.0	3.0	0.0
26	3110125090	Dương Nguyễn Phương Thùy	10/10/2007	25ST1	Triết học Mác - Lênin	2	6.5	6.5	0.0
27	3110125061	Trần Lê Bảo Ngọc	23/12/2007	25ST2	Triết học Mác - Lênin	2	6.3	6.3	0.0
28	3110125075	Trần Thị My Sa	15/4/2007	25ST2	Triết học Mác - Lênin	2	3.5	3.5	0.0
29	3110125087	Phan Thị Minh Thu	3/3/2007	25ST2	Triết học Mác - Lênin	2	7.3	7.3	0.0
30	3110125122	Huỳnh Khánh Linh	27/6/2007	25ST2	Triết học Mác - Lênin	3	5.0	5.0	0.0
31	3130125001	Thái Văn Bình	22/1/2007	25SVL	Triết học Mác - Lênin	4	3.5	3.5	0.0
32	3140125011	Nguyễn Thị Thanh Hiếu	2/9/2007	25SHH	Triết học Mác - Lênin	5	6.0	6.0	0.0
33	3140725026	Lê Thị Mỹ Hòa	23/4/2007	25SKT2	Triết học Mác - Lênin	6	4.3	4.3	0.0
34	3140725093	Trần Thị Lam Trà	24/4/2007	25SKT2	Triết học Mác - Lênin	8	7.5	7.5	0.0
35	3160425031	Đặng Huỳnh Khánh Linh	15/3/2007	25SAN1	Triết học Mác - Lênin	10	3.5	3.5	0.0
36	3160725016	Phạm Thị Lê Na	23/8/2007	25SPL	Triết học Mác - Lênin	14	1.5	1.5	0.0
37	3180125011	Nguyễn Hoàng Long	18/7/2007	25SLS	Triết học Mác - Lênin	17	6.3	6.3	0.0
38	3180125040	Nguyễn Mai Tú Trinh	5/7/2007	25SLS	Triết học Mác - Lênin	18	4.5	4.5	0.0
39	3180725090	Châu Hoàng Anh Thu	12/5/2007	25SLD2	Triết học Mác - Lênin	20	4.5	4.5	0.0
40	3220125024	Phan Hoàng Bách	21/1/2007	25STH1	Triết học Mác - Lênin	22	4.0	4.0	0.0
41	3220125096	Lương Lê Diệu Hương	6/4/2006	25STH6	Triết học Mác - Lênin	24	7.6	7.6	0.0
42	3220125193	Nguyễn Thị Khánh Nhi	13/7/2007	25STHA	Triết học Mác - Lênin	26	3.5	3.5	0.0
43	3220125190	Hồ Thị Nhi	12/11/2007	25STH7	Triết học Mác - Lênin	26	8.0	8.0	0.0
44	3220225014	Hồ Xuân Hoàng	28/8/2007	25STC1	Triết học Mác - Lênin	30	6.0	6.0	0.0
45	3220125379	Trần Diệu Ngân	28/2/2007	25STH5	Triết học Mác - Lênin	30	3.0	3.0	0.0
46	3220125381	Nguyễn Vũ Khánh Nhi	11/9/2007	25STH2	Triết học Mác - Lênin	30	2.5	2.5	0.0
47	3220225013	Đặng Thủy Hiền	14/3/2007	25STC2	Triết học Mác - Lênin	30	1.0	1.0	0.0
48	3220225049	Lê Thị Kim Oanh	4/11/2007	25STC2	Triết học Mác - Lênin	31	4.9	4.9	0.0
49	3110123029	Tổng Phương Hiền	22/1/2005	23ST2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	2.0	2.0	0.0
50	3110123019	Võ Thị Thanh Giang	7/5/2005	23ST1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	7.5	7.5	0.0
51	3110123010	Nguyễn Tấn Chiến	2/10/2005	23ST2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	1	5.0	5.0	0.0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
52	3120222110	Trần Hoàng Quang	27/3/2004	22CNTT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	4	1.5	1.5	0.0
53	3130123001	Lê Quốc Anh	29/10/2005	23SVL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	5.0	5.0	0.0
54	3130123004	Nguyễn Hoàng Hưng Gia	12/8/2005	23SVL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	6.5	6.5	0.0
55	3130123008	Phạm Diệu Hương	20/8/2005	23SVL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	5.5	5.5	0.0
56	3130123013	Trần Quang Huy	6/9/2005	23SVL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	7.5	7.5	0.0
57	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	3.5	3.5	0.0
58	3130123019	Lữ Đình Trường Thảo	11/8/2005	23SVL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	8	4.5	4.5	0.0
59	3140723002	Lê Tuấn Anh	4/6/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9	5.5	5.5	0.0
60	3140723003	Trần Hoàng Lan Anh	30/5/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	9	5.0	5.0	0.0
61	3140723034	Dương Thị Hoài Lê	18/7/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	5.0	5.0	0.0
62	3140723039	Nguyễn Ngọc Bảo Linh	14/8/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	3.5	3.5	0.0
63	3140723059	Nguyễn Hồng Ngân	1/10/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	5.0	5.0	0.0
64	3140723062	Võ Thị Kim Ngân	28/1/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	6.0	6.0	0.0
65	3140723013	Mạc Thị Hương Giang	23/4/2005	23SKT1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	10	7.0	7.0	0.0
66	3170423025	Trần Minh Gia Hân	26/3/2005	23CBC1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	19	4.8	4.8	0.0
67	3170423093	Nguyễn Trần Hạ Quyên	12/7/2005	23CBC1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	20	5.5	5.5	0.0
68	3180723037	Luong Hoài Linh	12/3/2005	23SLD1	Tư tưởng Hồ Chí Minh	26	6.0	6.0	0.0
69	3190123020	Võ Minh Hoàng	18/7/2005	23SDL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28	5.0	5.0	0.0
70	3190123038	Nguyễn Thị Quyên	2/6/2005	23SDL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28	5.8	5.8	0.0
71	3190123061	Nguyễn Thị Như Quỳnh	2/7/2005	23SDL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28	7.5	7.5	0.0
72	3190123041	Đỗ Thị Vân Thảo	7/8/2005	23SDL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28	5.8	5.8	0.0
73	3190123051	Nguyễn Thị Thanh Trúc	6/10/2005	23SDL	Tư tưởng Hồ Chí Minh	28	5.5	5.5	0.0
74	3220123020	Phùng Thị Ngọc Anh	28/9/2005	23STH7	Tư tưởng Hồ Chí Minh	33	6.5	7.0	0.5
75	3220123206	Bùi Thị Tuyết Mai	16/2/2005	23STH5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	36	7.0	7.5	0.5
76	3220123255	Lê Yến Nhi	6/7/2005	23STH4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	37	5.0	5.0	0.0
77	3220123336	Nguyễn Thị Kim Thoa	16/2/2004	23STH4	Tư tưởng Hồ Chí Minh	39	6.5	6.5	0.0
78	3170225082	Phùng Thị Khánh Ny	7/7/2007	25CVH	Pháp luật đại cương	10	8.0	8.0	0.0
79	3170225042	Phạm Lê Phương Thảo	24/4/2007	25CVH	Pháp luật đại cương	10	8.0	8.0	0.0
80	3170425019	Huỳnh Vũ Diệu Hiền	28/10/2007	25CBC1	Pháp luật đại cương	12	7.5	7.5	0.0
81	3180525018	Nguyễn Hoàng Phương Linh	1/11/2007	25CLS	Pháp luật đại cương	17	7.3	7.3	0.0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
82	3170225078	Vũ Thị Thùy Diễm	20/4/2007	25CVH	Công nghệ số cơ bản	9	8.4	8.4	0.0
83	3110124036	Nguyễn Tấn Lộc	9/6/2006	24ST2	Giáo dục học	1	7.0	7.0	0.0
84	3110124050	Nguyễn Ngô Yên Nhi	13/8/2006	24ST2	Giáo dục học	1	7.0	7.0	0.0
85	3110124009	Nguyễn Đức Thành Danh	5/8/2006	24ST1	Giáo dục học	1	6.0	6.0	0.0
86	3110124015	Phạm Thị Mỹ Duyên	2/3/2006	24ST1	Giáo dục học	1	8.0	8.0	0.0
87	3110124024	Đỗ Phúc Hưng	11/7/2006	24ST2	Giáo dục học	1	7.0	7.0	0.0
88	3110125030	Phan Thị Thu Hiền	2/10/2007	25ST2	Giáo dục học	2	7.0	7.0	0.0
89	3110125082	Nguyễn Thái Nhân Thảo	11/10/2007	25ST1	Giáo dục học	3	7.5	7.5	0.0
90	3110125067	Lê Thị Yên Nhi	21/10/2007	25ST2	Giáo dục học	3	7.0	7.0	0.0
91	3110125068	Lê Thị Yên Nhi	2/5/2007	25ST2	Giáo dục học	3	7.0	7.0	0.0
92	3160425031	Đặng Huỳnh Khánh Linh	15/3/2007	25SAN1	Giáo dục học	10	7.0	7.0	0.0
93	3220125321	Nguyễn Phan Khánh Vy	20/4/2007	25STH3	Giáo dục học	26	7.5	7.5	0.0
94	3110124004	Huỳnh Phan Gia Bảo	28/3/2006	24ST2	Giáo dục học	32	3.0	3.0	0.0
95	3110124038	Ngô Bảo Long	16/9/2006	24ST2	Giáo dục học	32	1.0	1.0	0.0
96	3110124067	Nguyễn Thị Anh Thư	7/3/2006	24ST2	Giáo dục học	32	1.5	1.5	0.0
97	3220223061	Đồng Thị Thu Thủy	4/10/2005	23STC	Hệ quản trị cơ sở dữ liệu	1	8.0	8.0	0.0
98	3140325024	Nguyễn Thị Trà My	28/10/2007	25CHD	Vật lý đại cương	1	3.5	4.5	1.0
99	3130123013	Trần Quang Huy	6/9/2005	23SVL	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực Vật lí	1	7.5	7.5	0.0
100	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực Vật lí	1	3.0	3.0	0.0
101	3130123019	Lữ Đình Trường Thảo	11/8/2005	23SVL	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực Vật lí	1	7.0	7.0	0.0
102	3130123001	Lê Quốc Anh	29/10/2005	23SVL	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực Vật lí	1	7.5	7.5	0.0
103	3130123004	Nguyễn Hoàng Hưng Gia	12/8/2005	23SVL	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực Vật lí	1	4.0	4.0	0.0
104	3130123008	Phạm Diệu Hương	20/8/2005	23SVL	Phương pháp và kỹ thuật dạy học tích cực Vật lí	1	8.0	8.0	0.0
105	3130124024	Bùi Ngọc Vy	7/9/2006	24SVL	Toán dùng cho vật lí	1	7.0	7.0	0.0
106	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Vật lí chất rắn	1	4.5	4.5	0.0
107	130123017	Dương Hồng Phúc	17/7/2005	23SVL	Vật lí chất rắn	1	7.5	7.5	0.0
108	3130123016	Phan Công Nhân	25/4/2004	23SVL	Vật lí nguyên tử và hạt nhân	1	4.5	5.8	1.3
109	3130123001	Lê Quốc Anh	29/10/2005	23SVL	Vật lí nguyên tử và hạt nhân	1	8.0	8.0	0.0
110	3130325026	Phạm Đăng Quang	8/12/2007	25CVK	Điện và Từ học	1	8.0	8.5	0.5

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
111	3140724106	Nguyễn Hoàng Uyên	10/3/2006	24SKT2	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	1	5.0	5.0	0.0
112	3140724027	Võ Thị Thu Hằng	8/3/2006	24SKT2	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	1	8.3	8.5	0.2
113	3140724078	Huỳnh Văn Tân	17/11/2006	24SKT2	Phát triển chương trình Khoa học tự nhiên	1	7.3	7.3	0.0
114	3140724066	Võ Tăng Bích Nho	12/4/2006	24SKT2	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	2	6.5	6.5	0.0
115	3140724059	Nguyễn Thị Ngọc	9/6/2006	24SKT1	Lý luận dạy học Khoa học tự nhiên	2	7.0	7.0	0.0
116	3170224084	Nguyễn Thị Hoàng Vy	4/4/2006	24CVH	Tiến trình văn học	3	7.3	7.3	0.0
117	3170123073	Phan Thị Bảo Ngọc	27/11/2005	23SNV1	Văn học Đông Âu - Nga	1	4.0	4.0	0.0
118	3170123066	Lê Thanh Kim Ngân	10/8/2005	23SNV2	Văn học Đông Âu - Nga	1	5.0	5.0	0.0
119	3160124012	Lê Văn Quang	13/9/2006	24SGC	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	1	6.0	6.0	0.0
120	3180123016	Đỗ Thị Thanh Ngân	13/12/2005	23SLS	Kinh tế Việt Nam thời cận đại	1	7.0	7.0	0.0
121	3180724006	Trịnh Lan Anh	29/4/2006	24SLD2	Các nền văn minh trên lãnh thổ Việt Nam	1	5.5	5.5	0.0
122	3180123001	Nguyễn Ý An	19/2/2005	23SLS	Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	1	5.0	5.0	0.0
123	3180123007	Lê Nhật Huy	22/1/2005	23SLS	Thế giới trong và sau chiến tranh lạnh	1	6.5	6.5	0.0
124	3180724057	Lê Nguyễn Như Ngọc	26/12/2006	24SLD2	Lịch sử quan hệ quốc tế	1	8.5	8.5	0.0
125	3180223034	Phạm Thị Hoàn	19/5/2005	23CVNH2	Quản trị kinh doanh lữ hành	1	6.2	6.2	0.0
126	3180223034	Phạm Thị Hoàn	19/5/2005	23CVNH2	Tín ngưỡng và các tôn giáo ở Việt Nam	1	6.5	6.5	0.0
127	3180225080	Đỗ Nguyễn Nhật Thịnh	20/8/2007	25CVNH2	Lịch sử Việt Nam đại cương	2	5.5	5.5	0.0
128	3180125011	Nguyễn Hoàng Long	18/7/2007	25SLS	Lịch sử thế giới cận đại	1	8.0	8.0	0.0
129	3180125040	Nguyễn Mai Tú Trinh	5/7/2007	25SLS	Lịch sử thế giới cận đại	1	7.5	7.5	0.0
130	3180125023	Trần Anh Tú	18/8/2007	25SLS	Lịch sử thế giới cận đại	1	5.5	5.5	0.0
131	3180125005	Lê Thị Ngọc Chi	21/1/2005	25SLS	Lịch sử thế giới cận đại	1	6.0	6.0	0.0
132	3180125006	Võ Thị Thu Hà	7/11/2007	25SLS	Lịch sử thế giới cận đại	1	6.5	6.5	0.0
133	3180525063	Võ Tường Vy	13/8/2007	25CLS	Lịch sử thế giới cận đại	1	6.0	6.0	0.0
134	3180525020	Nguyễn Đặng Tuyết Mai	18/4/2007	25CLS	Lịch sử Việt Nam cổ trung đại	1	8.0	8.0	0.0
135	3180725074	Bùi Văn Phú	1/4/2006	25SLD1	Địa lí tự nhiên các lục địa	1	7.5	7.5	0.0
136	3180725036	Nguyễn Lê Thu Hương	14/1/2007	25SLD2	Địa lí tự nhiên các lục địa	1	4.5	5.0	0.5
137	3190123007	Phạm Văn Chiến	14/12/2002	23SDL	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam 2	1	4.3	4.3	0.0
138	3200323044	Huỳnh Thị Kim Ngân	4/3/2005	23CTXH	Quản trị ngành công tác xã hội	1	2.0	2.0	0.0
139	3200323046	Nguyễn Trần Tuyết Nhi	16/3/2005	23CTXH	Quản trị ngành công tác xã hội	1	3.0	3.0	0.0

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp SH	Học phần phúc khảo	Nhóm thi	Điểm thi PK	Điểm chấm PK	Điểm thay đổi
140	3200323048	Trần Thị Yên Nhi	15/5/2005	23CTXH	Quản trị ngành công tác xã hội	1	3.0	3.0	0.0
141	3200323027	Nguyễn Văn Quốc Huy	13/10/2005	23CTXH	Quản trị ngành công tác xã hội	1	1.0	1.0	0.0
142	3220225015	Nguyễn Nhật Hoàng	19/10/2007	25STC2	Toán rời rạc	1	4.0	4.0	0.0
143	3220225005	Nguyễn Ngọc Diệu	5/4/2007	25STC1	Toán rời rạc	1	6.0	7.0	1.0
144	3220125065	Nguyễn Thiên Dung Hà	13/5/2006	25STH2	Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	2	7.3	7.3	0.0
145	3220125167	Trịnh Thị Lê Na	5/8/2007	25STH2	Cơ sở Toán học 2 của việc dạy học toán tiểu học	2	7.3	7.3	0.0
146	3220125167	Trịnh Thị Lê Na	5/8/2007	25STH2	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	2	6.5	6.5	0.0
147	3220124165	Nguyễn Thị Ngân	9/1/2005	24STH4	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	6	5.5	5.5	0.0
148	3220125375	Nguyễn Ngọc Mai	15/11/2007	25STH2	Cơ sở Việt ngữ 2 của việc dạy học tiếng Việt tiểu học	7	7.8	7.8	0.0
149	3220124178	Trịnh Anh Bảo Ngọc	19/6/2006	24STH2	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	5	7.5	7.5	0.0
150	3220124001	Phan Minh Ân	21/6/2006	24STH1	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	5	7.5	7.5	0.0
151	3220124043	Lê Hoàng Diệu	2/11/2006	24STH1	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	5	7.0	7.0	0.0
152	3220124293	Cao Thị Huyền Trang	1/5/2006	24STH7	Cơ sở Khoa học Xã hội ở tiểu học	5	7.5	7.5	0.0
153	3230125109	Nguyễn Xuân Mai	25/6/2007	25SMN4	Giáo dục học mầm non	2	4.0	4.0	0.0
154	3230124088	Nguyễn Hải Lý	3/1/2006	24SMN3	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ mầm non	2	8.0	8.0	0.0
155	3230124125	Đỗ Trần Quỳnh Như	23/2/2006	24SMN3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	1	5.0	5.0	0.0
156	3230124088	Nguyễn Hải Lý	3/1/2006	24SMN3	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	4	8.0	8.0	0.0

Đà Nẵng, ngày tháng 6 năm 2026

TL. HIỆU TRƯỞNG
KT. TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ - BDCL
PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

TS. Phan Thị Hoa